

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%			Thiệt hại từ 30% đến 70%							Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:		
							Nhóm cây sinh trưởng nhANH, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chẬM, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			Nhóm cây sinh trưởng nhANH, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chẬM, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)	
	Tổng		837,00	-	-	-	-	-	-	27,90	-	-	-	209,25	167,40	41,85
1	Phan Mạnh Hùng	Cây Thị	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
2	Đào Trọng Bằng	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
3	Lê Mạnh Hùng	Cây Thị	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
4	Trần Văn Giang	Cây Thị	33,0							1,1				8,250	6,600	1,650
5	Nguyễn Thanh Sơn	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
6	Nguyễn Văn Ninh	Cây Thị	21,0							0,7				5,250	4,200	1,050
7	Đinh Văn Khoa	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
8	Lê Thị Vân	Cây Thị	24,0							0,8				6,000	4,800	1,200
9	Đinh Nho Hưng	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
10	Nguyễn Thế Vỹ	Cây Thị	33,0							1,1				8,250	6,600	1,650
11	Phan Duy Bình	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
12	Phan Duy Lợi	Cây Thị	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
13	Phan Xuân Thành	Cây Thị	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:	
							Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
14	Phan Quốc Việt	Cây Thị	36,0							1,2				9,000	7,200	1,800
15	Phan Duy Quyền	Cây Thị	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
16	Nguyễn Văn Bé	Cây Thị	6,0							0,2				1,500	1,200	0,300
17	Nguyễn Đức Thuận	Cây Thị	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
18	Đinh Nho Sỹ	Cây Thị	6,0							0,2				1,500	1,200	0,300
19	Lâm Ngọc Dương	Cây Thị	6,0							0,2				1,500	1,200	0,300
20	Nguyễn Văn Đường	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
21	Đinh Thị Nga	Cây Thị	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
22	Phan Quốc Thắng	Cây Thị	6,0							0,2				1,500	1,200	0,300
23	Nguyễn Đình Việt	Cây Thị	39,0							1,3				9,750	7,800	1,950
24	Nguyễn Đình Hiền	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
25	Phan Đình Hải	Cây Thị	42,0							1,4				10,500	8,400	2,100
26	Nguyễn Thanh Sơn	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
27	Nguyễn Thị Thương	Cây Thị	6,0							0,2				1,500	1,200	0,300
28	Phan Thị Hoàn	Cây Thị	21,0							0,7				5,250	4,200	1,050
29	Nguyễn Thị Tý	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
30	Nguyễn Anh Tuấn	Cây Thị	27,0							0,9				6,750	5,400	1,350
31	Nguyễn Xuân Hoài	Cây Thị	24,0							0,8				6,000	4,800	1,200
32	Nguyễn Anh Hùng	Cây Thị	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
33	Nguyễn Văn Thắng	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
34	Nguyễn Văn Tình	Cây Thị	24,0							0,8				6,000	4,800	1,200

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:	
							Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
35	Nguyễn Quốc Lập	Cây Thị	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
36	Nguyễn Văn Hòa	Cây Thị	21,0							0,7				5,250	4,200	1,050
37	Nguyễn Xuân Lê	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900
38	Trịnh Bình	Cây Thị	39,0							1,3				9,750	7,800	1,950
39	Đinh Nho Hạnh	Cây Thị	24,0							0,8				6,000	4,800	1,200
40	Đào Văn Toại	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
41	Phan Duy Toàn	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
42	Nguyễn Minh Hương	Cây Thị	21,0							0,7				5,250	4,200	1,050
43	Phạm Công	Cây Thị	12,0							0,4				3,000	2,400	0,600
44	Phan Xuân Mạnh	Cây Thị	21,0							0,7				5,250	4,200	1,050
45	Nguyễn Thị Sương	Cây Thị	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
46	Nguyễn Trịnh Nhã	Cây Thị	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
47	Nguyễn Đức Nhuận	Cây Thị	18,0							0,6				4,500	3,600	0,900

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%							Thiệt hại từ 30% đến 70%				Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:		
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)	
	Tổng		60,00	-	-	-	-	-	-	2,00	-	-	-	15,00	12,00	3,00	
1	Trần Việt Hùng	Phổ Tây	60,0							2				15,000	12,000	3,000	

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của
HĐND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:	
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)
	Tổng		60,00	-	-	-	-	-	-	2,00	-	-	-	15,00	12,00	3,00
1	Trần Việt Hùng	Phổ Tây	60,0							2				15,000	12,000	3,000

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HDND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%				Thiệt hại từ 30% đến 70%				Kinh phí hỗ trợ				
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:		
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)	
	Tổng		75,00	-	-	-	-	-	-	2,50	-	-	-	18,75	15,00	3,75
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Hồ Sen	45,0							1,5				11,250	9,000	2,250
2	Phan Văn Ninh	Hồ Sen	30,0							1				7,500	6,000	1,500

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:	
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)
Tổng				-	-	-	-	-	-	13,10	-	-	-	98,25	78,60	19,65
1	Phan Đình Chiến	Cây Tất	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
2	Trần Văn Ninh	Cây Tất	9,0							0,3				2,250	1,800	0,450
3	Cao Trường Sinh	Cây Tất	90,0							3				22,500	18,000	4,500
4	Lê Hải Đường	Cây Tất	30,0							1				7,500	6,000	1,500
5	Cao Xuân Minh	Cây Tất	45,0							1,5				11,250	9,000	2,250
6	Đoàn Dũng	Cây Tất	21,0							0,7				5,250	4,200	1,050
7	Phạm Thị Lài	Cây Tất	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
8	Nguyễn Trung Trực	Cây Tất	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750
9	Phùng Thái	Cây Tất	30,0							1				7,500	6,000	1,500
10	Phan Thúc Đình	Cây Tất	24,0							0,8				6,000	4,800	1,200
11	Nguyễn Quốc Thắng	Cây Tất	30,0							1				7,500	6,000	1,500
12	Trần Thị Nhung	Cây Tất	30,0							1				7,500	6,000	1,500
13	Nguyễn Thị Hoài	Cây Tất	30,0							1				7,500	6,000	1,500
14	Phan Văn Tình	Cây Tất	15,0							0,5				3,750	3,000	0,750

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:	
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)
Tổng			138,00	-	-	-	-	-	-	4,60	-	-	-	34,50	27,60	6,90
1	Lương Ngọc Nam	Tân Thủy	48,0							1,6				12,000	9,600	2,400
2	Phan Duy Đình	Tân Thủy	30,0							1				7,500	6,000	1,500
3	Nguyễn Văn Hà	Tân Thủy	30,0							1				7,500	6,000	1,500
4	Lê Đình Tương	Tân Thủy	30,0							1				7,500	6,000	1,500

Phụ lục 03: Tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về lĩnh vực Lâm nghiệp

(Kèm Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống		Tổng NSHT	Trong đó:	
							Nhóm cây sinh trưởng nhANH, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chẬM, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhANH, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chẬM, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)	
Tổng				722,10	-	-	-	-	12,35	10,82	-	-	-	130,55	109,00	27,25
1	Phan Xuân Hòe	Trung Lưu	60,0							1,5				11,250	12,000	3,000
2	Lê Hồng Mỹ	Trung Lưu	12,0							0,4				1,600	1,280	0,320
3	Trần Quang Tuấn	Trung Lưu	15,0								0,5			3,750	3,000	0,750
4	Lê Hồng Thủy	Trung Lưu	15,0							0,5				2,000	1,600	0,400
5	Lê Mạnh	Trung Lưu	27,0							0,9				3,600	2,880	0,720
6	Nguyễn Quang Thắng	Trung Lưu	24,0							0,8				3,200	2,560	0,640
7	Cao Văn Khương	Trung Lưu	54,0								1,6			12,000	10,800	2,700
8	Dương Thị Minh	Trung Lưu	8,1								0,27			2,025	1,620	0,405
9	Nguyễn Quang Tường	Trung Lưu	10,5								0,35			2,625	2,100	0,525
10	Võ Phú	Trung Lưu	12,0								0,4			3,000	2,400	0,600
11	Võ Văn Giáp	Trung Lưu	24,0							0,8				3,200	2,560	0,640
12	Nguyễn Văn Tùng	Trung Lưu	39,0								1,2			9,000	7,800	1,950
13	Nguyễn Đình Sơn	Trung Lưu	30,0								1			7,500	6,000	1,500
14	Vương Thị Hòa	Trung Lưu	27,0							0,9				3,600	2,880	0,720
15	Trần Quang Anh	Trung Lưu	27,0							0,9				3,600	2,880	0,720
16	Lê Hoàng Thảo	Trung Lưu	39,0							1,45				5,800	4,160	1,040
17	Nguyễn Sỹ Hùng	Trung Lưu	40,5								1,5			11,250	6,000	1,500
18	Lê Thị Hương	Trung Lưu	33,0							1,1				4,400	3,520	0,880
19	Võ Thọ	Trung Lưu	24,0								0,8			6,000	4,800	1,200
20	Trần Thị Hương	Trung Lưu	24,0							0,8				3,200	2,560	0,640
21	Nguyễn Đình Mạo	Trung Lưu	24,0							0,8				3,200	2,560	0,640
22	Vương Thị Hải	Trung Lưu	15,0							0,5				2,000	1,600	0,400
23	Lê Thanh Hải	Trung Lưu	21,0							0,7				2,800	2,240	0,560
24	Vương Trung Thành	Trung Lưu	27,0							0,9				3,600	2,880	0,720
25	Phan Thị Hoa	Trung Lưu	36,0								0,8			6,000	7,200	1,800
26	Vương Quốc Hưng	Trung Lưu	27,0							0,9				3,600	4,560	1,140
27	Vương Tiến Dũng	Trung Lưu	27,0								0,9			6,750	4,560	1,140

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)														Kinh phí hỗ trợ			
				Gia cầm		Chim cút	Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, đê, cừu, đà điều	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
				(gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)																	
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi																Đến 28 ngày tuổi
			tr.đồng	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
			8															10	4.00	3.20	0.80
1	Nguyễn Thị Vân Anh	Thôn Hồ Sen	8															10	4.00	3.20	0.80
2	Nguyễn Thị Ninh	Thôn Hồ Sen	8															10	4.00	3.20	0.80
3	Nguyễn Thị Nga	Thôn Hồ Sen	8															10	4.00	3.20	0.80
4	Lương Anh Dũng	Thôn Hồ Sen	8															10	4.00	3.20	0.80

TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HỘI ĐỒNG TỈNH VỀ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)														Kinh phí hỗ trợ			
				Gia cầm		Chim cút	Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
				(gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)	Đến 28 ngày tuổi		Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi				Trên 28 ngày tuổi	Đến 6 tháng tuổi		Trên 6 tháng tuổi						
			tr.đồng	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
1	Hoàng Văn Thương	Thôn Nam Nhe	2															3	1.20	0.96	0.24
2	Nguyễn Tiến Đạo	Thôn Nam Nhe	2															2	0.80	0.64	0.16
3	Phan Xuân Tình	Thôn Nam Nhe	2.4		40														1.52	1.22	0.30
4	Ngô Đình Cẩn	Thôn Nam Nhe	2.25	25															0.55	0.44	0.11
5	Nguyễn Xuân Doanh	Thôn Nam Nhe	8							1									3.00	2.40	0.60
6	Nguyễn Văn Hòa	Thôn Nam Nhe	12															15	6.00	4.80	1.20

TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)															Kinh phí hỗ trợ			
				Gia cầm		Chim cút	Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo		
				(gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi		Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi					Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi																	
			tr.đồng	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
1	Lê Hải Đường	Thôn Cây Tắt	3		50															1.90	1.52	0.38
2	Nguyễn Thị Hồng	Thôn Cây Tắt	11	100	30															3.34	2.67	0.67
3	Trần Văn Dân	Thôn Cây Tắt	8															10		4.00	3.20	0.80
4	Nguyễn Bá Cường	Thôn Cây Tắt	68															85		34.00	27.20	6.80

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/ND-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30- 70% diện tích						Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết			
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	
1	Phan Đông Đức	Tân Thủy	0.96	-	0.06	-			-	-	-				0.640	0.512	0.13	
2	Hồ Tú Anh	Tân Thủy	0.87	-	0.06	-			-	-	-				0.577	0.462	0.12	
3	Nguyễn Thừa Nghi	Tân Thủy	1.18	-	0.08	-			-	-	-				0.786	0.629	0.16	
4	Bùi Văn Sơn (Hỗ Sen)	Tân Thủy	0.67	-	0.04	-			-	-	-				0.449	0.359	0.09	
5	Trần Văn Đài	Tân Thủy	0.51	-	-	-	-		-	0.06	-				0.320	0.256	0.06	
6	Nguyễn Thị Ánh	Tân Thủy	1.44	-	-	0.04			-	0.03	-				0.750	0.600	0.15	
7	Trần Quốc Bảo	Tân Thủy	0.45	-	-	-			-	0.06	-				0.281	0.225	0.06	
8	Tôn Thái Quế	Tân Thủy	0.88	-	-	-			-	0.11	-				0.551	0.441	0.11	
9	Trần Việt Hùng	Tân Thủy	0.76	-	-	-			-	0.10	-				0.476	0.381	0.10	
10	Trần Văn Nhân	Tân Thủy	1.00	-	-	-			-	0.13	-				0.625	0.500	0.13	
11	Phan Thị Hồng	Tân Thủy	0.68	-	-	-			-	0.09	-				0.425	0.340	0.09	
12	Tôn Thái Quế	Tân Thủy	0.43	-	-	-			-	0.05	-				0.267	0.214	0.05	
13	Thái Văn Thuận	Tân Thủy	0.81	-	-	-			-	0.10	-				0.505	0.404	0.10	
14	Thái Văn Minh	Tân Thủy	0.87	-	-	-			-	0.11	-				0.546	0.437	0.11	
15	Trần Minh Nuôi	Tân Thủy	0.85	-	-	-			-	0.11	-				0.532	0.426	0.11	
16	Phạm Thị Diễm	Tân Thủy	1.12	-	-	-			-	0.14	-				0.700	0.560	0.14	
17	Lê Thị Loan	Tân Thủy	0.42	-	-	-			-	0.05	-				0.261	0.209	0.05	
18	Lê Đình Phụng	Tân Thủy	2.96	-	-	0.08			-	0.07	-				1.550	1.240	0.31	
19	Nguyễn Xuân Cảnh	Tân Thủy	0.85	-	-	-			-	0.11	-				0.531	0.425	0.11	

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo	
20	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Tân Thủy	0.96	-	-	-			-	0.12	-					0.600	0.480	0.12	
21	Lê Thanh Hải	Tân Thủy								0.12						0.600	0.480	0.12	
22	Lê Quang Trung	Tân Thủy	0.82	-	-	-			-	0.10	-					0.513	0.410	0.10	
22	Lê Thị Loan	Tân Thủy	0.41	-	-	-			-	0.05	-					0.257	0.206	0.05	
23	Lê Văn Nam	Tân Thủy	1.20	-	-	-			-	0.15	-					0.750	0.600	0.15	
24	Trần Thị Vân	Tân Thủy	0.74	-	-	-			-	0.09	-					0.461	0.369	0.09	
25	Thái Thị An	Tân Thủy	0.90	-	0.06	-			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
26	Trần Hải Lý	Tân Thủy	0.79	-	-	-			-	0.10	-					0.496	0.397	0.10	
27	Trần Văn nhân	Tân Thủy	0.72	-	-	-			-	0.09	-					0.450	0.360	0.09	
28	Lê Văn Nam	Tân Thủy	1.00	-	-	-			-	0.13	-					0.626	0.500	0.13	
29	Phạm Thị Minh Ngọc	Tân Thủy	0.72	-	-	-			-	0.09	-					0.450	0.360	0.09	
30	Nguyễn Thị Tình	Tân Thủy	0.77	-	-	-			-	0.10	-					0.484	0.387	0.10	
31	Phạm Thanh Sơn (Nga)	Tân Thủy	2.40	-	-	-			-	0.30	-					1.500	1.200	0.30	
32	Thái Văn Hòa	Tân Thủy	0.43	-	-	-			-	0.05	-					0.270	0.216	0.05	
33	Phạm Thanh Sơn	Tân Thủy	0.18	-	-	-			-	0.02	-					0.114	0.091	0.02	
34	Trần Huy Thìn	Tân Thủy	0.92	-	-	-			-	0.11	-					0.573	0.459	0.11	
35	Nguyễn Hồng Quân	Tân Thủy	1.09	-	-	-			-	0.14	-					0.679	0.543	0.14	
36	Trần Phi Công	Tân Thủy	0.76	-	-	-			-	0.10	-					0.477	0.381	0.10	
37	Nguyễn Giáp Thìn	Tân Thủy	1.36	-	-	0.05			-	-	-					0.678	0.542	0.14	
38	Nguyễn Thị Châu (Hồ Sen)	Tân Thủy	0.86	-	-	0.03			-	-	-					0.430	0.344	0.09	
39	Nguyễn Tiến Dũng	Tân Thủy	1.47	-	-	0.05			-	-	-					0.735	0.588	0.15	
40	Trần Giang Nam	Tân Thủy	1.05	-	-	0.04			-	-	-					0.525	0.420	0.11	

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo	
41	Nguyễn Thị Ánh (Hùng)	Tân Thủy	1.52	-	-	0.05			-	-	-					0.762	0.610	0.15	
42	Phạm Thị Thúy	Tân Thủy	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08	
43	Nguyễn Giáp Thìn	Tân Thủy	0.32	-	-	-			-	0.04	-					0.203	0.162	0.04	
44	Lê Tiến Dũng	Tân Thủy	0.36	-	-	-			-	0.05	-					0.226	0.180	0.05	
45	Phan Văn Thân	Tân Thủy	0.74	-	0.05	-			-	-	-					0.493	0.394	0.10	
46	Lê Đình Thương	Tân Thủy	1.56	-	0.10	-			-	-	-					1.037	0.830	0.21	
47	Nguyễn Thị Mai	Tân Thủy	0.60	-	-	0.02			-	-	-					0.300	0.240	0.06	
48	Phan Đình Ất	Tân Thủy	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
49	Lê Đình Tịnh	Tân Thủy	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
50	Nguyễn Chí Thanh	Tân Thủy	1.50	0.15												0.900	0.720	0.18	
51	Nguyễn Việt Hùng	Tân Thủy	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
52	Nguyễn Công Sự	Tân Thủy	0.28	-	0.02	-			-	-	-					0.187	0.150	0.04	

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30- 70% diện tích						Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm			Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		
																	tr.đồng	(ha)
1	Trần Quang Thống	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
2	Trần Quang Thạch	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
3	Đặng Anh Tuấn	Trung Lưu	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
4	Lê Thanh hải	Trung Lưu	1.71	-	-	0.06			-	-	-					0.855	0.684	0.17
5	Lê Hoàng Thảo	Trung Lưu	2.01	-	-	0.07			-	-	-					1.005	0.804	0.20
6	Phạm Nam Thắng	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
7	Nguyễn Hữu Hường	Trung Lưu	1.76	-	-	0.06			-	-	-					0.878	0.702	0.18
8	Lê Mạnh	Trung Lưu	1.71	-	-	0.06			-	-	-					0.855	0.684	0.17
9	Phan Văn Nghĩa	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
10	Lê Hồng Mỹ	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
11	Trần Quang Tuấn	Trung Lưu	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30
12	Lê Hồng Thùy	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
13	Nguyễn Văn Hoa	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
14	Võ Thăng Long	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
15	Võ Thọ	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
16	Võ Giáp	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
17	Phan Xuân Hòe	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
18	Lê Thủy Chung	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
19	Nguyễn Sỹ Hùng	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
20	Trần thị Hương	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
21	Nguyễn Hữu Châu	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
22	Trần Quang Anh	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
23	Lê Anh Nam	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
24	Phan Thị Hòa	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
25	Nguyễn Hữu Quang	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
26	Nguyễn Văn Tùng	Trung Lưu	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
27	Vương Thị Hòa	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
28	Nguyễn Xuân Nghệ	Trung Lưu	1.65	-	-	0.06			-	-	-					0.825	0.660	0.17	
29	Nguyễn Văn Linh	Trung Lưu	1.56	-	-	0.05			-	-	-					0.780	0.624	0.16	
30	Nguyễn Đình Sơn	Trung Lưu	1.71	-	-	0.06			-	-	-					0.855	0.684	0.17	
31	Phạm Đông Xuân	Trung Lưu	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
32	Nguyễn Văn Thanh	Trung Lưu	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
33	Phan Anh Đào	Trung Lưu	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
34	Đào Xuân Oanh	Trung Lưu	2.70	-	-	0.09			-	-	-					1.350	1.080	0.27	
35	Nguyễn Thị Dung	Trung Lưu	1.50			0.05										0.750	0.600	0.15	
36	Nguyễn Sỹ Dũng	Trung Lưu	1.20			0.04										0.600	0.480	0.12	
37	Nguyễn Hữu Lâm	Trung Lưu	1.20			0.04										0.600	0.480	0.12	
38	Vương Thị Hai	Trung Lưu	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30- 70% diện tích						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Trong đó		
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	
1	Hoàng Châu	Nam Nhe	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
2	Nguyễn Thị Anh	Nam Nhe	3.60	-	-	0.12			-	-	-					1.800	1.440	0.36	
3	Hà Thị Hòa	Nam Nhe	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
4	Nguyễn Xuân Danh	Nam Nhe	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
5	Lê Văn Tiến	Nam Nhe	0.60	-	-	0.02			-	-	-					0.300	0.240	0.06	
6	Lê Thị Luận	Nam Nhe	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08	
7	Hoàng Văn Thương	Nam Nhe	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08	
8	Nguyễn Tiến Dũng	Nam Nhe	3.60	-	-	0.12			-	-	-					1.800	1.440	0.36	
9	Nguyễn Văn Bình	Nam Nhe	0.60	-	-	0.02			-	-	-					0.300	0.240	0.06	

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích			Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ			
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết			
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
1	Nguyễn Thị Dung	Hoàng Nam	2.85	-	-	0.10			-	-	-					1.425	1.140	0.29
	Đinh Hải Bình	Hoàng Nam	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09
2	Đào Toại	Hoàng Nam	2.25	-	-	0.08			-	-	-					1.125	0.900	0.23
3	Nguyễn Thị Quyên	Hoàng Nam	2.25	-	-	0.08			-	-	-					1.125	0.900	0.23
4	Nguyễn Xuân Dương	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
5	Phan Thị Nga	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
6	Nguyễn Thị Sự	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
7	Nguyễn Thị Huệ	Hoàng Nam	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
8	Nguyễn Thị Quyên	Hoàng Nam	2.00	0.05	-	0.05			-	-	-					1.050	0.840	0.21
9	Nguyễn Thị Nữ	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
10	Ngô Văn Thành	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
11	Võ Thị Lịch	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
12	Lê Quang Trung	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
13	Nguyễn Thị Chiên	Hoàng Nam	1.05	-	-	0.04			-	-	-					0.525	0.420	0.11
14	Nguyễn Thị Anh	Hoàng Nam	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08
15	Nguyễn Thanh Đào	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
16	Nguyễn Thị Vi	Hoàng Nam	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
17	Nguyễn Thị Nguyệt	Hoàng Nam	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
18	Nguyễn Xuân Mai	Hoàng Nam	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết				
																	tr.đồng	(ha)	(ha)
1	Nguyễn Văn Cảnh	Kim Thành	9.75	-	-	0.33			-	-	-					4.875	3.900	0.98	
2	Nguyễn Đình Khương	Kim Thành	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
3	Lương Thị Thọ	Kim Thành	2.25	-	-	0.08			-	-	-					1.125	0.900	0.23	
4	Tổng Trần Khoa	Kim Thành	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
5	Hồ thị Loan	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
6	Nguyễn Trọng Thắng	Kim Thành	3.05	-	-	0.10			-	-	-					1.523	1.218	0.30	
7	Nguyễn Duy Trinh	Kim Thành	1.80	-	-	0.06			-	-	-					0.900	0.720	0.18	
8	Nguyễn Mạnh Thắng	Kim Thành	6.00	-	-	0.20			-	-	-					3.000	2.400	0.60	
9	Nguyễn Sỹ Bình	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
10	Trần Văn Bồng	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
11	Nguyễn Văn Hoàng	Kim Thành	4.50	-	-	0.15			-	-	-					2.250	1.800	0.45	
12	Trần Văn Bồng	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
13	Nguyễn Xuân Việt	Kim Thành	4.50	-	-	0.15			-	-	-					2.250	1.800	0.45	
14	Phạm Văn Tứ	Kim Thành	1.80	-	-	0.06			-	-	-					0.900	0.720	0.18	
15	Lê Khánh Lợi	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
16	Nguyễn Văn Luận	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
17	Phan Xuân Nhân	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
18	Nguyễn Sông Hồng	Kim Thành	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	

TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỒ TRỞ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

Thiết hại trên 70% diện tích													Thiết hại từ 30- 70% diện tích													Kinh phí hỗ trợ				
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm						Tổng NSNN hỗ trợ			Trang đó									
																		Ngân sách Trung ương			NSDP đảm bảo									
				Giai đoạn cây con (giáo trình đến 1/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Giai đoạn cây con (giáo trình đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết					
				tr.đồng			(ha)		(ha)		(ha)		(ha)		(ha)		(ha)		(ha)		(ha)		(ha)		tr.đồng		tr.đồng		tr.đồng	
1	Trần Thị Lụa	Hồ Sen	3.00	-	-	0.10			-	-	-														1.500	1.200	0.30			
2	Trần Thị Lâm	Hồ Sen	3.00	-	-	0.10			-	-	-														1.500	1.200	0.30			
3	Lê Thị Hoài	Hồ Sen	2.40	-	-	0.08			-	-	-														1.200	0.960	0.24			
4	Nguyễn Văn Minh	Hồ Sen	2.25	-	-	0.08			-	-	-														1.125	0.900	0.23			
5	Lương Sỹ Thành	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-	-														0.750	0.600	0.15			
6	Phạm Quốc Tuấn	Hồ Sen	3.90	-	-	0.13			-	-	-														1.950	1.560	0.39			
7	Nguyễn Thị Hà	Hồ Sen	3.00	-	-	0.10			-	-	-														1.500	1.200	0.30			
8	Lê Thị Khương	Hồ Sen	2.10	-	-	0.07			-	-	-														1.050	0.840	0.21			
9	Nguyễn Thị Nga	Hồ Sen	0.75	-	-	0.03			-	-	-														0.375	0.300	0.08			
10	Nguyễn Tiến Lê	Hồ Sen	0.45	0.05	-	-			-	-	-														0.270	0.216	0.05			
11	Trần Thọ	Hồ Sen	2.70	-	-	0.09			-	-	-														1.350	1.080	0.27			
12	Nguyễn Văn Minh (T)	Hồ Sen	2.25	-	-	0.08			-	-	-														1.125	0.900	0.23			
13	Lê Đình Trọng (Bình)	Hồ Sen	3.00	-	-	0.10			-	-	-														1.500	1.200	0.30			
14	Nguyễn Văn Vy	Hồ Sen	2.25	-	-	0.08			-	-	-														1.125	0.900	0.23			
15	Mai Xuân Đạt	Hồ Sen	1.20	-	-	0.04			-	-	-														0.600	0.480	0.12			
16	Mai Xuân Hưng	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-	-														0.750	0.600	0.15			
17	Lê Viết Hùng	Hồ Sen	1.20	-	-	0.04			-	-	-														0.600	0.480	0.12			
18	Lê Văn Trí	Hồ Sen	3.00	-	-	0.10			-	-	-														1.500	1.200	0.30			
19	Nguyễn Hải Đường	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-	-														0.750	0.600	0.15			

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30- 70% diện tích						Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)		Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)		Diện tích cây trồng lâu năm		Tổng NSNN hỗ trợ	Trợ cấp					
				Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thủ hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thủ hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo			
20	Phạm Thị Xanh	Hồ Sen	2.25	-	-	0.08			-	-				1.125	0.900	0.23		
21	Nguyễn Thị Hường (Cánh)	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
22	Nguyễn Văn Cường	Hồ Sen	1.05	-	-	0.04			-	-				0.525	0.420	0.11		
23	Lê Thị Nhâm	Hồ Sen	0.75	-	-	0.03			-	-				0.375	0.300	0.08		
24	Lương Sỹ Tình	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
25	Thái Hòa	Hồ Sen	2.25	-	-	0.08			-	-				1.125	0.900	0.23		
26	Nguyễn Tiến Chương	Hồ Sen	2.25	-	-	0.08			-	-				1.125	0.900	0.23		
27	Nguyễn Đình Văn	Hồ Sen	1.05	-	-	0.04			-	-				0.525	0.420	0.11		
28	Trần Thành Trung	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
29	Lương Quang Trường	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
30	Nguyễn Văn Ngân	Hồ Sen	0.45	-	-	0.02			-	-				0.225	0.180	0.05		
31	Ngô Thị Mận	Hồ Sen	0.45	-	-	0.02			-	-				0.225	0.180	0.05		
32	Phạm Tiến Dũng	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
33	Lê Thế Tài	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
34	Nguyễn Ngọc Vương	Hồ Sen	0.60	-	-	0.02			-	-				0.300	0.240	0.06		
35	Nguyễn Trọng Tao	Hồ Sen	0.75	-	-	0.03			-	-				0.375	0.300	0.08		
36	Phạm Thanh Nam	Hồ Sen	1.20	-	-	0.04			-	-				0.600	0.480	0.12		
37	Lê Đình Công	Hồ Sen	3.00	-	-	0.10			-	-				1.500	1.200	0.30		
38	Nguyễn Thị Sâm	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		
39	Lương Đình Phú	Hồ Sen	0.75	-	-	0.03			-	-				0.375	0.300	0.08		
40	Hồ Thị Việt	Hồ Sen	0.45	-	-	0.02			-	-				0.225	0.180	0.05		
41	Lương Đức	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05			-	-				0.750	0.600	0.15		

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30- 70% diện tích						Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm			Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm			Trong đó		
				Giai đoạn cây con (giao trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (giao trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
42	Nguyễn Nam Phi	Hồ Sen	1.50	-	-	0.05		-	-						0.750	0.600	0.15	
43	Nguyễn Hồng Quang	Hồ Sen	2.40	-	-	0.08		-	-	-					1.200	0.960	0.24	
44	Lương Quốc Hệ	Hồ Sen	2.40	-	-	0.08		-	-	-					1.200	0.960	0.24	
45	Lê Văn Kiệt	Hồ Sen	0.75	-	-	0.03		-	-	-					0.375	0.300	0.08	
46	Nguyễn Văn Thêm	Hồ Sen	0.45	-	-	0.02		-	-	-					0.225	0.180	0.05	
47	Lê Đình Công	Hồ Sen	3.25	0.10	-	0.08		-	-	-					1.725	1.380	0.35	

THA TIN

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỒ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT		Họ tên	Thôn	Thiết hại trên 70% diện tích										Thiết hại từ 30- 70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hàng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hàng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó			
				Giai đoạn cây con (giao trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thụ hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (giao trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thụ hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo			
																		tr.đồng	(ha)	(ha)
1	Dương Thị Thạch	Cây Tắt	1.10	0.11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		0.660		0.528	0.13	
2	Ngô Viết Cương	Cây Tắt	0.35	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.209	0.167	0.04			
3	Nguyễn Thị Minh	Cây Tắt	0.33	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.197	0.158	0.04			
4	Nguyễn Thị Anh (Thìn	Cây Tắt	3.90	0.18	-	0.07	-	-	-	-	-	-	-	-	2.130	1.704	0.43			
5	Nguyễn Quốc Hợp	Cây Tắt	0.41	0.04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.244	0.195	0.05			
6	Nguyễn Văn Thường	Cây Tắt	0.28	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.165	0.132	0.03			
7	Hồ Thị Mận	Cây Tắt	0.84	0.04	-	0.02	-	-	-	-	-	-	-	-	0.458	0.366	0.09			
8	Nguyễn Giang Nam	Cây Tắt	1.20	0.12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.720	0.576	0.14			
9	Phan Thị Minh	Cây Tắt	0.70	0.07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.420	0.336	0.08			
10	Nguyễn Văn Giáp	Cây Tắt	0.44	0.04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.265	0.212	0.05			
11	Trần Văn Dương	Cây Tắt	1.50	-	-	0.05	-	-	0.03	-	-	-	-	-	0.766	0.612	0.15			
12	Nguyễn Mạnh Hùng	Cây Tắt	4.40	0.17	-	0.09	-	-	-	-	-	-	-	-	2.370	1.896	0.47			
13	Nguyễn Quốc Đăng	Cây Tắt	1.32	0.05	-	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	0.708	0.566	0.14			
14	Phan Thúc Định	Cây Tắt	0.30	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.180	0.144	0.04			
15	Phan Thị Bình	Cây Tắt	1.65	0.04	-	0.04	-	-	0.04	-	-	-	-	-	0.885	0.708	0.18			
17	Phan Duy Đình	Cây Tắt	0.63	0.06	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.379	0.303	0.08			
18	Phạm Thanh Sơn	Cây Tắt	3.00	0.24	-	0.02	-	-	-	-	-	-	-	-	1.740	1.392	0.35			
19	Phan Thị Nhung	Cây Tắt	0.42	0.04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.251	0.201	0.05			
22	Nguyễn Thị Minh	Cây Tắt	0.30	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.180	0.144	0.04			

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo	
23	Nguyễn Thanh Hải	Cây Tắt	1.70	0.17	-	-			-	-	-					1.020	0.816	0.20	
24	Phạm Thị Hân	Cây Tắt	2.90	0.09	-	0.06			0.04	-	-					1.560	1.248	0.31	
26	Nguyễn Thanh Hoàn	Cây Tắt	0.45	0.05	-	-			-	-	-					0.272	0.218	0.05	
27	Nguyễn Quốc Khánh	Cây Tắt	0.41	0.04	-	-			-	-	-					0.247	0.198	0.05	
29	Trần Văn Ninh	Cây Tắt	1.50	0.15	-	-			-	-	-					0.900	0.720	0.18	
30	Phan Thị Đoài	Cây Tắt	1.30	0.13	-	-			-	-	-					0.780	0.624	0.16	
31	Nguyễn Thái Bình	Cây Tắt	0.43	0.04	-	-			-	-	-					0.255	0.204	0.05	
33	Lương Thị Thủy	Cây Tắt	1.00	0.10	-	-			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
35	Nguyễn Quang Vinh	Cây Tắt	0.65	0.03	-	-			0.07	-	-					0.390	0.312	0.08	
38	Nguyễn Thị Anh (Thập)	Cây Tắt	3.03	0.06	-	0.08			-	-	-					1.576	1.261	0.32	
40	Nguyễn Quang Thắng	Cây Tắt	5.70	0.09	-	0.16			-	-	-					2.940	2.352	0.59	
41	Phan Xuân Châu	Cây Tắt	1.05	0.11	-	-			-	-	-					0.632	0.506	0.13	
42	Trần Văn Minh	Cây Tắt	1.72	0.05	-	0.04			-	-	-					0.914	0.731	0.18	
43	Cao Trường Giang	Cây Tắt	1.20	0.12	-	-			-	-	-					0.720	0.576	0.14	
44	Nguyễn Văn Nam	Cây Tắt	1.20	0.12	-	-			-	-	-					0.720	0.576	0.14	
45	Phan Văn Tình	Cây Tắt	3.53	0.07	-	0.08			0.08	-	-					1.881	1.505	0.38	
48	Nguyễn Văn Lực	Cây Tắt	1.91	0.13	-	0.02			-	-	-					1.086	0.869	0.22	
49	Nguyễn Trung Trực	Cây Tắt	0.67	0.07	-	-			-	-	-					0.401	0.321	0.08	
50	Nguyễn Thanh Tân	Cây Tắt	1.05	0.11	-	-			-	-	-					0.633	0.506	0.13	
51	Lê Thị Đức	Cây Tắt	1.81	0.06	-	0.04			-	-	-					0.965	0.772	0.19	
52	Nguyễn Trường Phi	Cây Tắt	1.00	0.10	-	-			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
53	Nguyễn Tất Thành	Cây Tắt	2.10	0.21	-	-			-	-	-					1.260	1.008	0.25	

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30- 70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
54	Phạm Văn Hiệp	Cây Tắt	0.55	0.05	-	-			-	-	-					0.329	0.263	0.07
58	Cao Trường Sơn	Cây Tắt	0.50	0.05	-	-			-	-	-					0.298	0.238	0.06
61	Nguyễn Văn Quốc	Cây Tắt	0.59	0.06	-	-			-	-	-					0.352	0.281	0.07
63	Trần Thị Hành	Cây Tắt	0.52	0.05	-	-			-	-	-					0.309	0.247	0.06
64	Nguyễn Văn Tân	Cây Tắt	0.41	0.04	-	-			-	-	-					0.243	0.194	0.05
65	Nguyễn Văn Thủy	Cây Tắt	0.59	0.06	-	-			-	-	-					0.351	0.281	0.07
67	Nguyễn Hữu Mạnh	Cây Tắt	0.72	0.07	-	-			-	-	-					0.434	0.347	0.09
69	Nguyễn Thị Nga	Cây Tắt	0.80	0.08	-	-			-	-	-					0.480	0.384	0.10
70	Lê Hải Đường	Cây Tắt	1.58	0.05	-	-			0.22	-	-					0.951	0.761	0.19
71	Nguyễn Thị Thanh	Cây Tắt	0.39	0.04	-	-			-	-	-					0.236	0.189	0.05
73	Nguyễn Văn Hà	Cây Tắt	0.45	0.04	-	-			-	-	-					0.268	0.214	0.05
74	Phạm Công Cẩn	Cây Tắt	0.44	0.03	-	-			0.03	-	-					0.266	0.213	0.05
81	Nguyễn Đình Hồng	Cây Tắt	2.10	-	-	0.07			-	-	-					1.050	0.840	0.21
83	Cao Văn Thân	Cây Tắt	0.25	-	-	-			0.05	-	-					0.150	0.120	0.03
85	Lê Dương Phúc	Cây Tắt	0.20	-	-	-			0.04	-	-					0.118	0.095	0.02
88	Trần Xuân Đài	Cây Tắt	0.19	-	-	-			0.04	-	-					0.114	0.091	0.02
89	Trần Văn Tiến	Cây Tắt	0.26	-	-	-			0.05	-	-					0.153	0.123	0.03
90	Trần Thị Minh	Cây Tắt	0.15	-	-	-			0.03	-	-					0.091	0.073	0.02
91	Phạm Thị Xanh	Cây Tắt	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
98	Nguyễn Văn Bá	Cây Tắt	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15
99	Nguyễn Thị Châu	Cây Tắt	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12
100	Nguyễn Thị Lành	Cây Tắt	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích							Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
101	Phạm Thị Minh	Cây Tất	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09
109	Nguyễn Văn Nhật	Cây Tất	2.25	-	-	0.08			-	-	-					1.125	0.900	0.23
110	Nguyễn Thị Khai	Cây Tất	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30
112	Nguyễn Thị Nguyên	Cây Tất	0.45	-	-	0.02			-	-	-					0.225	0.180	0.05



TÍNH

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**



TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30- 70% diện tích						Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm			Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm			Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng		
1	Lê Thị Nghị	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-				0.375	0.300	0.08	
2	Nguyễn Thanh Thiện	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-				0.375	0.300	0.08	
3	Đào Đình Thông	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-				0.375	0.300	0.08	
4	Đình văn Long	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
5	Hà Huy Thảo	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-				0.375	0.300	0.08	
6	Hà Học Tần	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
7	Lê Xuân Giang	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
8	Nguyễn Văn Thi	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
9	Lê Viết Thắng	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
10	Cao Đình Lự	Cây Chanh	0.60	-	-	0.02			-	-	-				0.300	0.240	0.06	
11	Phạm Thái Nguyên	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
12	Nguyễn Đình Lâm	Cây Chanh	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15	
13	Phan Thị Hiền	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
14	Lê Sỹ Hạnh	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-				0.375	0.300	0.08	
15	Nguyễn Văn Thi	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
16	Phan Đình Phú	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-				0.450	0.360	0.09	
17	Nguyễn Thị Hường	Cây Chanh	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15	
18	Hà Học Quang	Cây Chanh	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15	
19	Đình Nho Mạnh	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-				0.375	0.300	0.08	

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm				Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
20	Nguyễn Thị Hồng	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08	
21	Hà Học Thân	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
22	Lê Xuân Hòa	Cây Chanh	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
23	Lê Thị Oanh	Cây Chanh	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
24	Lê Thị Cảnh	Cây Chanh	2.40	-	-	0.08			-	-	-					1.200	0.960	0.24	
25	Phạm Văn Tứ	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08	
26	Đinh Thị Lanh	Cây Chanh	1.35	-	-	0.05			-	-	-					0.675	0.540	0.14	
27	Lê Thị Đào	Cây Chanh	0.75	-	-	0.03			-	-	-					0.375	0.300	0.08	
28	Nguyễn Văn Dũng	Cây Chanh	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
29	Đinh Nho Minh	Cây Chanh	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09	
30	Nguyễn Thị Hoài Thương	Cây Chanh	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09	
31	Võ Thị Thủy	Cây Chanh	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**



TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết				
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	
1	Nguyễn Duy Sỹ	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
2	Nguyễn Đình Mậu	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
3	Lê Đức Tương	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
4	Hà Huy Phú	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
5	Hồ Văn Hòa	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
6	Nguyễn Đình Nhâm (H)	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
7	Lê Đình Vỹ	Bồng Phài	0.60	-	-	0.02			-	-	-					0.300	0.240	0.06	
8	Nguyễn Hoài	Bồng Phài	2.10	-	-	0.07			-	-	-					1.050	0.840	0.21	
9	Nguyễn Thị Tịnh	Bồng Phài	2.10	-	-	0.07			-	-	-					1.050	0.840	0.21	
10	Phan Huy Đường	Bồng Phài	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
11	Nguyễn Văn Long	Bồng Phài	3.00	-	-	0.10			-	-	-					1.500	1.200	0.30	
12	Nguyễn Văn Hùng	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-					0.750	0.600	0.15	
13	Võ Thị Tuyết	Bồng Phài	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
14	Nguyễn Xuân Bình	Bồng Phài	0.48	-	-	-			-	-	0.04					0.300	0.240	0.06	
15	Lê Văn Đức	Bồng Phài	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
16	Nguyễn Mạnh Hào	Bồng Phài	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
17	Phạm văn Chung	Bồng Phài	1.20	-	-	0.04			-	-	-					0.600	0.480	0.12	
18	Nguyễn Văn Quân	Bồng Phài	0.36	-	-	-			-	-	0.03					0.225	0.180	0.05	
19	Nguyễn Văn Tú	Bồng Phài	0.24	-	-	-			-	-	0.02					0.150	0.120	0.03	

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30- 70% diện tích						Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm			Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
20	Nguyễn Đình Nhâm (M)	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15	
21	Nguyễn Văn Hùng (K)	Bồng Phài	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15	
22	Cao Văn Sửu	Bồng Phài	0.60	-	-	0.02			-	-	-				0.300	0.240	0.06	



**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 09/2025/NĐ-CP NGÀY 10/01/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT 151/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/6/2025 CỦA HĐND TỈNH VỀ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo	
tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng		tr.đồng		
1	Nguyễn Văn Thắng	Cây Thị	2.10	-	-	0.07			-	-	-				1.050	0.840	0.21		
2	Lê Văn Hạnh	Cây Thị	1.95	-	-	0.07			-	-	-				0.975	0.780	0.20		
3	Đình Nho Huân	Cây Thị	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15		
4	Lương Bình Nhân	Cây Thị	1.80	-	-	0.06			-	-	-				0.900	0.720	0.18		
5	Đình Nho Khoa	Cây Thị	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15		
6	Lê Văn Hùng	Cây Thị	1.35	-	-	0.05			-	-	-				0.675	0.540	0.14		
7	Lương Đình Kiều	Cây Thị	2.55	-	-	0.09			-	-	-				1.275	1.020	0.26		
8	Đình Nho Tuấn	Cây Thị	1.50	-	-	0.05			-	-	-				0.750	0.600	0.15		
9	Đình Nho Hải	Cây Thị	1.20	-	-	0.04			-	-	-				0.600	0.480	0.12		
10	Đình Thị Thi	Cây Thị	1.35	-	-	0.05			-	-	-				0.675	0.540	0.14		
11	Nguyễn Văn Vỵ	Cây Thị	1.80	-	-	0.06			-	-	-				0.900	0.720	0.18		
12	Đình Thị Nga	Cây Thị	1.20	-	-	0.04			-	-	-				0.600	0.480	0.12		
13	Nguyễn Văn Bé	Cây Thị	1.44	-	-	0.05			-	-	-				0.720	0.576	0.14		
14	Nguyễn Quốc Việt	Cây Thị	2.25	-	-	0.08			-	-	-				1.125	0.900	0.23		
15	Nguyễn Đức Thuận	Cây Thị	1.23	-	-	0.04			-	-	-				0.615	0.492	0.12		
16	Nguyễn Duy Lợi	Cây Thị	1.26	-	-	0.04			-	-	-				0.630	0.504	0.13		
17	Phan Quốc Việt	Cây Thị	1.59	-	-	0.05			-	-	-				0.797	0.637	0.16		
18	Phan Xuân Thành	Cây Thị	4.20	-	-	0.14			-	-	-				2.100	1.680	0.42		
19	Nguyễn Trọng Chương	Cây Thị	1.05	-	-	0.04			-	-	-				0.525	0.420	0.11		

TT	Họ tên	Thôn	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích					Thiệt hại từ 30- 70% diện tích								Kinh phí hỗ trợ		
				Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm		Cây hằng năm khác (Ngô, rau, sắn)			Diện tích cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo	
20	Đinh Xuân Ngo	Cây Thị	1.05	-	-	0.04			-	-	-					0.525	0.420	0.11	
21	Nguyễn Văn Cầm	Cây Thị	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
22	Lê Mạnh Hùng	Cây Thị	0.90	-	-	0.03			-	-	-					0.450	0.360	0.09	
23	Phan Xuân Dũng	Cây Thị	0.60			0.02										0.300	0.240	0.06	
24	Trần Văn Giang	Cây Thị	0.60			0.02										0.300	0.240	0.06	
25	Lê Văn Hường	Cây Thị	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09	
26	Nguyễn Thanh Sơn	Cây Thị	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09	
27	Nguyễn Xuân Đăng	Cây Thị	1.20			0.04										0.600	0.480	0.12	
28	Phạm Thị Cúc	Cây Thị	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09	
29	Trần Văn Sử	Cây Thị	1.20			0.04										0.600	0.480	0.12	
30	Phan Văn Giáp	Cây Thị	0.90			0.03										0.450	0.360	0.09	